

Số: **25** /2017/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **28** tháng **7** năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các tàu biển, phương tiện thủy nội địa, sản phẩm công nghiệp của phương tiện thủy nội địa chỉ sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động

thiết kế, chế tạo, đóng mới, sửa chữa, hoán cải, sử dụng và kiểm định an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường đối với tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc bị văn bản khác thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Chương II

CÁC BIỂU MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ SỔ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CẤP CHO TÀU BIỂN

Điều 4. Các biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển theo các quy định của pháp luật Việt Nam

Các biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển theo quy định tại Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 03 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng bao gồm:

1. Giấy chứng nhận phân cấp được cấp theo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 81:2014/BGTVT theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận phù hợp đi một chuyến được cấp theo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy chứng nhận hoãn bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra được cấp theo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 23:2016/BGTVT, QCVN 42:2015/BGTVT theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Giấy chứng nhận an toàn trang thiết bị được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 42:2015/BGTVT, QCVN 21:2015/BGTVT theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Giấy chứng nhận mạn khô được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Giấy chứng nhận dung tích (cấp cho tàu có chiều dài nhỏ hơn 24 mét) được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 63:2013/BGTVT theo Mẫu số

06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Giấy chứng nhận ngăn ngừa ô nhiễm dầu được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 26:2016/BGTVT theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Giấy chứng nhận thử và kiểm tra cần trục dây giăng, tời và các chi tiết được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 23:2016/BGTVT theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giăng, tời và các chi tiết, làm việc ghép đôi được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 23:2016/BGTVT theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục trụ xoay hoặc máy nâng và các chi tiết được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 23:2016/BGTVT theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra thang máy/cầu xe và các chi tiết được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 23:2016/BGTVT theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra các chi tiết tháo được của thiết bị nâng được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 23:2016/BGTVT theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

13. Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra dây cáp thép được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 23:2016/BGTVT theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

14. Sổ đăng ký thiết bị nâng và chi tiết tháo được của tàu biển được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 23:2016/BGTVT theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

15. Giấy chứng nhận an toàn tàu khách được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Giấy chứng nhận an toàn tàu cao tốc được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 54:2015/BGTVT theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

17. Giấy chứng nhận duy trì cấp tàu được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

18. Giấy chứng nhận thay đổi thông số được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo

Thông tư này.

19. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu biển được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 03:2016/BGTVT, QCVN 81:2014/BGTVT, QCVN 92:2015/BGTVT theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

20. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sửa đổi được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 03:2016/BGTVT, QCVN 81:2014/BGTVT, QCVN 92:2015/BGTVT theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

21. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế hoán cải tàu biển được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 03:2016/BGTVT, QCVN 81:2014/BGTVT, QCVN 92:2015/BGTVT theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

22. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT, QCVN 54:2015/BGTVT, QCVN 56:2013/BGTVT, QCVN 03:2016/BGTVT; QCVN 72:2014/BGTVT, QCVN 23:2016/BGTVT theo Mẫu số 22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

23. Giấy chứng nhận phù hợp vận chuyển xô hàng rời rấn bằng đường biển được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT và Bộ luật quốc tế về vận chuyển xô hàng rời rấn bằng đường biển (Bộ luật IMSBC) theo Mẫu số 23 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

24. Giấy chứng nhận phù hợp vận chuyển hàng nguy hiểm ở dạng đóng gói hoặc dạng rấn chở xô được cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 21:2015/BGTVT và Chương II-2 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74) theo Mẫu số 24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Các biểu mẫu giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển theo các công ước quốc tế của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)

1. Đối với các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam là thành viên được Bộ Giao thông vận tải giao cho Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện thì sử dụng các biểu mẫu theo quy định của các công ước quốc tế đó.

2. Đối với các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được cấp theo các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam chưa là thành viên hoặc công ước không quy định cụ thể mẫu giấy chứng nhận, theo yêu cầu của chủ tàu để cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan biết tàu đã phù hợp thì sử dụng

mẫu các giấy chứng nhận sau đây để cấp cho tàu:

a) Giấy chứng nhận phù hợp quản lý nước dẫn được cấp theo Công ước quốc tế về quản lý nước dẫn và chặn nước dẫn (Công ước BWM 2004) theo Mẫu số 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Giấy chứng nhận phù hợp về danh mục các vật liệu nguy hiểm được cấp theo Công ước quốc tế về tái chế tàu biển (Công ước Hồng Kông 2010) theo Mẫu số 26 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Giấy chứng nhận phù hợp đủ điều kiện tái chế tàu biển được cấp theo Công ước quốc tế về tái chế tàu biển (Công ước Hồng Kông 2010) theo Mẫu số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Giấy chứng nhận phê duyệt kế hoạch chở xô hàng hạt được cấp theo Chương VI của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74) theo Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Các biểu mẫu giấy chứng nhận tạm thời hoặc giấy chứng nhận có điều kiện

Đối với các giấy chứng nhận tạm thời hoặc giấy chứng nhận có điều kiện cấp cho tàu biển, sử dụng các mẫu tương ứng được nêu tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này và bổ sung thêm chữ "Tạm thời" hoặc "Có điều kiện" vào giấy chứng nhận.

Điều 7. Các biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền cấp cho tàu biển Việt Nam

Trường hợp tổ chức đăng kiểm nước ngoài được ủy quyền cấp giấy chứng nhận và sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho tàu biển Việt Nam thì Cục Đăng kiểm Việt Nam gửi các biểu mẫu theo quy định của các công ước quốc tế của IMO và ILO mà Việt Nam là thành viên cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài sử dụng.

Chương III

CÁC BIỂU MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ SỔ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA, SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 8. Các biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho phương tiện thủy nội địa

Các biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương

ứng bao gồm:

1. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 29 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận đi một chuyến cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 25:2015/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 30 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 31 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 32 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sửa đổi phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 33 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế hoán cải phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 34 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế mẫu phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT theo Mẫu số 35 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Giấy chứng nhận sao và thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa theo mẫu được cấp phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 25: 2015/BGTVT theo Mẫu số 36 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 25: 2015/BGTVT theo Mẫu số 37 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Sổ chứng nhận thể tích chiếm nước phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT theo Mẫu số 38 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Sở kiểm tra thiết bị nâng hàng phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT theo Mẫu số 39 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Các biểu mẫu giấy chứng nhận cấp cho các sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa

Các biểu mẫu giấy chứng nhận cấp cho các sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng bao gồm:

1. Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 40 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 41 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 42 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Giấy chứng nhận thử sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Sửa đổi 1: 2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 95:2016/BGTVT theo Mẫu số 43 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KIỂM

Điều 10. Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Tổ chức in ấn, cấp, quản lý, kiểm tra và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng các biểu mẫu theo quy định của Thông tư này.

2. Hướng dẫn các đơn vị đăng kiểm sử dụng các biểu mẫu quy định tại Thông tư này để cấp cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư này khi có đề nghị của các cơ quan có liên quan.

3. Báo cáo và kiến nghị Bộ Giao thông vận tải cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các biểu mẫu quy định trong Thông tư này.

Điều 11. Các đơn vị đăng kiểm

Sử dụng các biểu mẫu giấy chứng nhận theo đúng quy định của Thông tư này.

Chương V

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2017.
2. Bãi bỏ Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa.
3. Các giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa được cấp trước ngày 01 tháng 9 năm 2017 theo Thông tư số 15/2013/TT-BGTVT ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về biểu mẫu giấy chứng nhận và sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa sẽ tiếp tục có hiệu lực đến ngày hết hiệu lực của các giấy chứng nhận và sổ này.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 13;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo GT;
- Lưu: VT, KHCN(5).

BỘ TRƯỞNG



Trương Quang Nghĩa